CÔNG TY CP CHẾ BIẾN & XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ

BẢN TỰ CÔNG BỐ

NƯỚC TƯƠNG VẠN HẢO

THÁNG 12/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số 14 /PTMN/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN & XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ.

Địa chỉ: Lô 47-48 Khu chế biến Nước mắm, phường Phú Hài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: 02523. 813. 156 Fax: 02523. 710169

Email: info@nuocmamphanthietmuine.com

Mã số doanh nghiệp: 3401 108 327

Số Giấy chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn theo yêu cầu của HACCP Codex Alimentarius: 6065/QĐ-QUACERT.

Ngày cấp: 12/10/2021

Nơi cấp: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT).

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: NƯỚC TƯƠNG VẠN HẢO

2. Thành phần:

Thành phần chính (≥ 98%): Nước cốt tương, nước muối.

Thành phần khác: (≤ 2%): Nước, chất tạo ngọt (INS 951), chất điều vị (INS 627, 631), chất bảo quản (INS 211), phẩm màu (INS 150a, 150c), chất chống oxy hoá (INS 330), chất ổn định (INS 451), hương nước tương.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 12 tháng , kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) được ghi trên nắp chai, nhãn hoặc trên chai và được ghi trên thùng giấy carton.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

4.1 Chất liệu bao bì: Bao bì chứa đựng trực tiếp nước tương là:

a) Các chai nhựa PET, thể tích: 460 ml, 480 ml, 500 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít.

b) Can nhựa, thể tích 20 lít, 30 lít

4.2 Quy cách đóng gói:

a) Các chai được đựng trong thùng carton:

02 chai x 480 ml

02 chai x 500 ml

24 chai x 460 ml

24 chai x 480 ml

12 chai x 1 lít
06 chai x 2 lít
04 chai x 5 lít

b) Quy cách đóng gói can nhựa:
01 can x 20 lít
01 can x 30 lít

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm**:
Xuất xứ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ
Địa chỉ: Lô 47-48 KCB NƯỚC MẮM PHƯỜNG PHÚ HÀI, THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

5mm

205mm

15mm

Sản phẩm của:
Chi nhánh 1 Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Thiên Nga.
Địa chỉ: Lô E Cụm công nghiệp Hoàng Gia, ấp Mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.
Hotline CSKH: 0913 630 303 – 0918 630 303
Email: congtytnhhthiennga@gmail.com

Sản xuất và đóng chai tại:
Công ty CP Chế biến và Xuất khẩu Nước mắm Phan Thiết - Mũi Né.
Địa chỉ: Lô 47- 48 Khu chế biến nước mắm, P.Phú Hài, TP.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

8 936133 231801

Sản xuất tại Việt Nam

NƯỚC TƯƠNG

VẠN HẢO

Vạn Hảo - Vạn niềm tin

Hình ảnh chỉ mang tính minh họa

Số TCB: 14/PTMN/2021

Thành phần cấu tạo:
Thành phần chính (≥ 98%): Nước cốt tương, nước muối.
Thành phần khác (≤ 2%): Nước, chất tạo ngọt (INS 951), chất điều vị (INS 627,631), chất bảo quản (INS 211), phẩm màu tổng hợp (INS 150a, 150c), chất chống ô xy hóa (INS 330), chất ổn định (INS 451), hương nước tương.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp hoặc dùng để chế biến thực phẩm. Chay mặn đều dùng được.

Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn sử dụng. Không dùng cho người bị dị ứng với thành phần của sản phẩm.

NSX: Xem trên bao bì.
HSD: 12 tháng, kể từ ngày sản xuất.

Thể tích thực ở 20°C
460 ml

ISO22000:2005

KHANG HUNG PACKAGING Hotline: 0934 80 90 21	Tên SP	NHÃN NƯỚC TƯƠNG VẠN HẢO 460 ML	Khách hàng duyệt
	KT	20.5 X 8 cm	
	Dạng	In offset 4 màu, cán màng bóng, cắt thành phẩm.	
	VL in	Giấy Couche 100gsm — Làm mới [X] Tái bản [ ]	
	Số màu(4)	Đen, Xanh, Đỏ, Vàng	
	Ngày	23.09.2021	

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty sản xuất thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Các chỉ tiêu cảm quan**: Theo TCVN 1763:2008

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Màu sắc	Đặc trưng của sản phẩm
2	Độ trong	Trong, không vẫn đục, không lắng cặn.
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nước tương, không có mùi lạ, mùi mốc.
4	Vị	Ngọt của đạm, không có vị lạ, vị đắng, nồng
5	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không có

2. **Các chỉ tiêu chất lượng:** Theo tiêu chuẩn cơ sở

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng muối NaCl trong khoảng	g/100ml	8-16
2	Hàm lượng ni tơ ni tơ tổng số, không nhỏ hơn	g/100ml	0.4
3	Hàm lượng chất rắn hoà tan không kể muối, không nhỏ hơn	g/ 100ml	8
4	Độ Axit (tính theo Acetic)	g/ 100ml	0.8 – 1.6

3. **Hàm lượng kim loại nặng:** Theo QCVN 8-2:2011/BYT

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng chì	mg/L	≤ 2.0
2	Hàm lượng arsen vô cơ	mg/L	≤ 1.0
3	Hàm lượng cadimi	mg/L	≤ 1.0
4	Hàm lượng thuỷ ngân	mg/L	≤ 0.05

4. **Các chỉ tiêu vi sinh:** Theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/mL	$\leq 10^4$
2	Coliforms	CFU/mL	$\leq 10^2$
3	Clostridium perfringens	CFU/mL	≤ 10
4	Echerichia Coli	MPN/mL	KPH
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	≤ 3
6	Tổng số bào tử nấm men - mốc	CFU/mL	≤ 10
7	Salmonella	PH/25ml	KPH
8	3-MCPD	mg/kg	≤ 1
9	Aflatoxin tổng	µg/L	KPH
10	Aflatoxin (B1)	µg/L	KPH

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp Phan Thiết, ngày 26 tháng 12 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3401108327 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT MŨI NÉ - TP. PHAN THIẾT - T. BÌNH THUẬN

Lê Thị Mỹ

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
ISO/IEC 17025 - ISO 9001
VILAS 266 VIMCERTS 129
Head Office: 04 Nguyen Hoi Street, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390 Fax: 0252.3822390 Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 21093201

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 09/09/2021
Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ *Client:* **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ**

Địa chỉ/ *Address:* **LÔ 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HÀI, THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN**

Ngày nhận mẫu/ *Sample receiving date:* **01/09/2021**

Ngày hẹn trả/ *Date of returning result:* **09/09/2021**

Tên mẫu/ *Sample name:* **NƯỚC TƯƠNG**

Mô tả mẫu/ *Sample description:* **Mẫu đựng trong chai nhựa** **Số lượng/** *Quantity:* **01**

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Test item*	Đơn vị *Unit*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Phương pháp thử *Test method*
01	Rắn hòa tan không kể muối	g/100ml	8,8	TCVN 1764:2008
02	Acid (tính theo Acetic)	g/100ml	1,25	TCVN 1764:2008
03	Nitơ tổng	g/100ml	0,45	TCVN 3705:1990 (*)
04	Natri clorua (NaCl)	g/100ml	14,50	TCVN 1764:2008
05	Protein thô	g/100ml	2,80	TCVN 3705:1990 (*)
06	Năng lượng	Kj/100ml Kcal/100ml	52,23 12,48	Ref.TCVN 8762:2011
07	Carbonhydrate	g/100ml	0,76	Ref.AOAC 996.06
08	Arsen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,01)	AOAC 986.15
09	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	TCVN 7604:2007
10	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	AOAC 986.15
11	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,05)	AOAC 986.15
12	Clostridium perfringens	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4991:2005 (*)
13	Coliform tổng	CFU/ml	< 1,0	TCVN 6848:2007 (*)
14	Định lượng tổng số bào nấm men, nấm mốc	CFU/ml	< 1,0	TCVN 8275-1: 2010 (*)
15	Escherichia coli	MPN/ml	0	TCVN 6846:2007 (*)
16	Salmonella	PH/25ml	KPH	TCVN 10780-1:2017 (*)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Test item*	Đơn vị *Unit*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Phương pháp thử *Test method*
17	Staphylococcus aureus	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4830-1:2005 (*)
18	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	$2,0 \times 10^2$	TCVN 4884-2:2015(*)
19	Aflatoxin (B1)	µg/Kg	KPH (LOD=3,0)	TĐCBTh.SK.006/2019 (LC/MS/MS)
20	Aflatoxin tổng	µg/Kg	KPH (LOD=3,0)	TĐCBTh.SK.006/2019 (LC/MS/MS)
21	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH (LOD=3,0)	TĐCBTh.SK.006/2019 (LC/MS/MS)
22	Cảm quan		Màu sắc: Đặc trưng của sản phẩm. Trạng thái: Trong, không bị vẩn đục, không lắng cặn. Mùi: Thơm đặc trưng của nước tương, không có mùi lạ, mùi mốc. Vị: Ngọt của đạm, không có vị lạ, vị đắng, nồng. Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường : Không có.	TCVN 3215:1979
23	Lipid	g/100ml	KPH (LOD=0,10)	Ref.TCVN 4331:2001

TRƯỞNG PHÒNG
Head of laboratory

Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC
Director

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Minh Toàn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số Chứng Thực 4805 Quyển số: 01 SCT/BS
Ngày 24-12-2021
CHỦ TỊCH UBND P.BÌNH HƯNG

Huỳnh Thị Thúy Liễu

Ghi chú/Remark:
1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
2. Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation). Hết thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/When sample storing period expire, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for anything of complain.
3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
4.Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
5.(*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS.
6. (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
7. LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.